

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa, khai thác nước mặt sông Mã (đoạn chảy qua thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy) để cấp nước cho hoạt động xử lý nước của chi nhánh cấp nước Cẩm Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 109/GP-UBND ngày 28/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 885/TNN-CSPC ngày 02/5/2018 và số 992/TNN-NĐĐ ngày 29/5/2019 của Cục quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1017/TTr-STNMT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa, khai thác nước mặt sông Mã (đoạn chảy qua thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy) để cấp nước cho hoạt động xử lý nước của chi nhánh cấp nước Cẩm Thủy,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa, theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 109/GP-UBND ngày 28/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa; địa chỉ: Số 99 Mật Sơn, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
2. Công trình khai thác, sử dụng nước: Công trình Trạm bơm khai thác nước tại thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;
3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Cấp nước cho các cơ sở khác để phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ;
4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: $G = 2.000$ đồng/m³ (đối với nước thiên nhiên dùng cho sản xuất nước sạch);
5. Sản lượng tính tiền: $W = 2399$ (ngày) $\times 4,5$ (m³/ngày đêm) = 10.796 m³ (thời gian tính tiền từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 27/3/2024);
6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0,2 + 0) = 1,5$;
7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: $M = 2,0$ % (đối với khai thác nước dùng cho kinh doanh dịch vụ);
8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:
 $T = (W \times G \times K \times M) = (10.796 \text{ m}^3 \times 2.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,5 \times 2,0\%) = 647.760$ đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*).
9. Phương án nộp tiền: Nộp 1 lần.
10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;
11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trước ngày 15 tháng 12*); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Ban hành thông báo đến Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời

hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi chủ giấy phép; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành ;

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi ;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật ;

- Trường hợp phát sinh vướng mắc phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ, Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Cẩm Thủy; UBND thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy; Chủ tịch UBND thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
 - Trung tâm hành chính công;
 - Lưu: VT, NN, KTTT (HYT).
- QDKP 19-213

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Lê Thị Thìn